**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QUẢN TRỊ KINH DOANH**

----------------------------



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Học phần: Pháp luật đại cương**

**Mã số: LAW121**

**Số tín chỉ: 02**

**Giảng dạy cho CTĐT: Quản trị kinh doanh Khách sạn và Du lịch**

**Khoa: Quản lý – Luật kinh tế**

**Bộ môn phụ trách: Luật kinh tế**

**Thái Nguyên, 2022**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QTKD  **KHOA**: **QUẢN LÝ – LUẬT KINH TẾ**  **Bộ môn phụ trách: Luật kinh tế** |  |

**ĐỀ C­ƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần:** **Pháp luật đại cương**;  **Mã học phần**: **LAW121**

**2. Tên Tiếng Anh:** Introduction to laws

**3. Số tín chỉ:** **02** **tín chỉ (24/12/72)**

Phân bổ thời gian: 15 tuần (24tiết lý thuyết/12 thảo luận/72 tiết tự học)

**Giảng dạy cho CTĐT: Quản trị kinh doanh Khách sạn và Du lịch**

**4. Điều kiện tham gia học tập học phần**

Môn học tiên quyết : Không

Môn học trước : Không

Khác: Không

**5. Các giảng viên phụ trách học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | TS. Nguyễn Thị Phương Thúy | 0912700339 | Phuowngthuy.lkt@tueba.edu.vn | Trưởng  BM |
| 2 | TS. Trần Thùy Linh | 0989761083 | dngbaolinh2@gmail.com | Phó BM |
| 3 | Th.s Nguyễn Quang Huy | 0983995035 | nguyenquanghuy@tueba.edu.vn |  |
| 4 | Th.s Hoàng Nghiệp Quỳnh | 0912477826 | hoangnghiepquynh78@gmail.com |  |
| 5 | Th.s Đỗ Hoàng Yến | 0989252828 | hoangyen246@gmail.com |  |
| 6 | Th.s Nguyễn Thị Thùy Trang | 0987858895 | thuytrang.lkt@gmail,com |  |
| 7 | Th.s Hoàng Thị Lệ Mỹ | 0976796055 | hoanglemi\_bk@yahoo.com |  |
| 8 | Th.s Âu Thị Diệu Linh | 01686684456 | dieulinh2710@gmail.com |  |
| 9 | Th.s Trần Thị Bình An | 01689952385 | tranbinhan250790@gmail.com |  |
| 10 | Th.s Trần Thị Kim Anh | 01649611052 | kimanh.kt34@gmail.com |  |
| 11 | Ths.Nguyễn Thị Thùy Dung | 0386683686 | dungntt@tueba.edu.vn |  |

**6. Mô tả học phần**

Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước, pháp luật và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước khi người học tiếp cận với những vấn đề khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Học phần được thiết kế gồm 2 nội dung: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật và một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật của Việt Nam như Luật Hiến pháp Việt Nam; Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp khả năng bước đầu vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tế.

**7. Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)**

| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho sinh viên:* | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| --- | --- | --- | --- |
| CO1 | Kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật và một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp, Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự. | **PLO1:** 1.1: CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL | 2 |
| CO2 | Kỹ năng tra cứu các quy định pháp luật và thông tin có liên quan; có khả năng phân tích, lập luận và giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản. | **PLO1:** 1.1: CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL **PLO2:** 2.3: CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL | 3 |
| CO3 | Kỹ năng và phát triển khả năng làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các vấn đề; hình thành thói quen tôn trọng và chấp hành pháp luật. | **PLO3:** 3.3: CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL | 3 |

**8. CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả**  *Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* | **CĐR CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| CLO1 | Hiểu được các kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật. Hiểu được nội dung cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, về văn bản quy phạm pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam. Hiểu được nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật của Việt Nam như Luật Hiến pháp, Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự. | **PLO1:** 1.1: CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL | **2** |
| CLO2 | Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tế. | **PLO1:** 1.1 CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL | **3** |
| CLO3 | Áp dụng được kiến thức để giải quyết các tình huống cụ thể. | **PLO2:** 1.1 Kinh doanh quốc tế | **3** |
| CLO4 | Sử dụng cácphương pháp để làm rõ các vấn đề pháp luật, phát triển kỹ năng đọc hiểu và tra cứu các quy định pháp luật về từng vấn đề cụ thể. | **PLO2:** 2.3: CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL | **3** |
| CLO5 | Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan. Tich cực làm việc nhóm và trong học tập. Tự đọc tài liệu theo hướng dẫn, gợi ý của giảng viên. Có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ tôn trọng và chấp hành pháp luật, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, ham học hỏi. Có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn. | **PLO3:** 3.3: CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL | **3** |

**Mối tương thích giữa CĐR học phần với Triết lý giáo dục của**

**Trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung của triết lý giáo dục** | | **CĐR học phần** |
| **Sáng tạo** | Đào tạo hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học, chủ động tiếp cận và nắm bắt các cơ hội trong đời sống xã hội, trong nghề nghiệp | CLO 5 |
| **Thực tiễn** | Đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, có tri thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu cần thiết phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại, của thị trường lao động và nhu cầu học tập tự thân của mỗi người | CLO2; CLO3; CLO4; CLO5 |
| **Hội nhập** | Đào tạo giúp người học tích lũy tri thức và kỹ năng nghề nghiệp, chủ động hội nhập quốc tế, phù hợp xu thế phát triển bền vững | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4 |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*- Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*- Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*- Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR**

**CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL** | | | | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | | | | **PLO2** | | | | | **PLO3** | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **1.4** | **1.5** | **1.6** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **2.4** | **2.5** | **3.1** | **3.2** | **3.3** | **3.4** |
| CLO1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Hoàn thành các bài tập được giao.

- Nghiên cứu tài liệu học tập.

**10. Tài liệu học tập**

***Tài liệu chính***

1. Đỗ Văn Giai, Trần Lương Đức (2010), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Nxb. Khoa học và Kĩ thuật, Hà Nội.

***Tài liệu tham khảo***

2. Phạm Duy Nghĩa (2011), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

3. Nguyễn Hợp Toàn (2006), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Nxb. Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

3. Hiến pháp nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;

(www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/.../hienphapnam2013)

4. Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam năm 2015;

(vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?...id.)

5. Bộ luật hình sự nước CHXHCN Việt Nam năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

(vbpl.vn/botuphap/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=122826)

6. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

(vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?...id...)

7. Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

(www.moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view\_detail.aspx?itemid)

8. Luật cán bộ, công chức năm 2009 ;

(vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?...id...)

9. Luật viên chức năm 2010;

(www.moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view\_detail.aspx?itemid...)

11. Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018

(<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Phong-chong-tham-nhung-322049.aspx>)

**11. Phương pháp giảng dạy - học tập**

***- Phương pháp giảng dạy - học tập của học phần***

Các phương pháp giảng dạy - học tập chính của học phần PLĐC bao gồm: Chiến lược dạy học trực tiếp, chiến lược dạy học gián tiếp, dạy học tương tác và tự học, cụ thể như sau:

**I. Chiến lược dạy học trực tiếp**

1. Thuyết trình: Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thình thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

2. Giải thích cụ thể: Giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

**II. Chiến lược dạy học gián tiếp**

3. Câu hỏi gợi mở: Giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết tình huống thực tế, vấn đề đặt ra.

4. Giải quyết vấn đề: Người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

**III. Dạy học tương tác**

5. Tranh luận: Giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

6. Thảo luận: Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

7. Học nhóm: Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

**IV.Tự học**

8. Bài tập ở nhà: Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

**Ma trận quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và phương pháp giảng dạy - học tập**

| **Các CĐR của học phần** | **Trình độ năng lực** | **Phương pháp giảng dạy - học tập** | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuyết trình | Giải thích cụ thể | Câu hỏi gợi mở | Giải quyết vấn đề | Tranh luận | Thảo luận | Học nhóm | Bài tập ở nhà |
| CLO1 | **2** | x | x | x |  |  | x | x |  |
| CLO2 | **3** | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO3 | **3** | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO4 | **3** |  |  | x | x | x | x | x | x |
| CLO5 | **3** |  |  | x | x | x | x | x | x |

**12. Nội dung giảng dạy chi tiết**

| **Tiết** | **Nội dung giảng dạy**  *(Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)* | **CĐR học phần** *(CĐR đạt được khi kết thúc chương)* | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương pháp giảng dạy**  **học tập** | **Phương pháp đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1, 2, 3 | Chương 1. Lý luận chung về Nhà nước  1.1 Nguồn gốc nhà nước  1.2. Bản chất, đặc trưng của nhà nước  1.3. Chức năng của nhà nước  1.4 Hình thức nhà nước  1.5 Kiểu nhà nư­ớc | CLO1;  CLO2;  CLO4 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R);  3.3/(I) | Thuyết trình, Giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, Giải quyết vấn đề,  Tranh luận. | Đánh giá chuyên cần |
| 4 | Thảo luận Chương 1. Chương 1. Lý luận chung về Nhà nước | CLO1; CLO2; CLO5 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R); 2.3/(I)  3.3/(I) | Thảo luận, học nhóm | Đánh giá chuyên cần, Thảo luận nhóm |
| 5,6,7 | Chương 2. Lý luận chung về pháp luật  2.1 Khái quát chung về pháp luật  2.2 Quy phạm pháp luật  2.3 Quan hệ pháp luật  2.4 Thực hiện pháp luật  2.5.Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý | CLO1;  CLO2;  CLO4 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R);  3.3/(I) | Thuyết trình, Giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, Giải quyết vấn đề,  Tranh luận. | Đánh giá chuyên cần |
| 8, 9 | Thảo luận Chương 2. Lý luận chung về pháp luật | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R); 2.3/(I)  3.3/(I) | Thảo luận, học nhóm, bài tập về nhà | Đánh giá chuyên cần, Thảo luận nhóm, Bài tập cá nhân |
| 10,11,12 | Chương 3. Hệ thống pháp luật  3.1 Khái quát chung về hệ thống pháp luật  3.2 Các ngành luật trong hệ thống pháp luật ở Việt Nam hiện nay  3.3 Hình thức pháp luật.  3.4 Văn bản quy phạm pháp luật của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam | CLO1;  CLO2;  CLO4 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R);  3.3/(I) | Thuyết trình, Giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở | Đánh giá chuyên cần |
| 13 | Thảo luận Chương 3: Hệ thống pháp luật | CLO1;  CLO2;  CLO4; CLO5 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R); 2.43(I)  3.3/(I) | Thuyết trình, Giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở | Đánh giá chuyên cần, Thảo luận nhóm |
| 14,15,16 | Chương 4. Luật Hiến pháp Việt Nam  4.1. Khái quát chung về Luật Hiến pháp  4.2 Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013 | CLO1;  CLO2;  CLO4 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R);  3.3/(I) | Thuyết trình, Giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, Giải quyết vấn đề,  Tranh luận. | Kiểm tra thường xuyên, Đánh giá chuyên cần |
| 17 | Thảo luận Chương 4. Luật Hiến pháp Việt Nam | CLO1; CLO2; CLO3; CLO5 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R); 2.3/(I)  3.3/(I) | Thảo luận, học nhóm, bài tập về nhà | Kiểm Đánh giá chuyên cần, Thảo luận nhóm |
| 18,19,20 | Chương 5. Luật hành chính Việt Nam  5.1. Khái quát chung về Luật hành chính  5.2. Cơ quan hành chính  5.3 Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính  5.4. Quy chế pháp lý hành chính của cán bộ công chức. | CLO1;  CLO2;  CLO4 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R);  3.3/(I) | Thuyết trình, Giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, Giải quyết vấn đề,  Tranh luận. | Đánh giá chuyên cần |
| 21, 22 | Thảo luận Chương 5. Luật hành chính Việt Nam | CLO1; CLO2; CLO3;  CLO4; CLO5 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R); 2.3/(I);  3.3/(I) | Thảo luận, học nhóm, bài tập về nhà | Đánh giá chuyên cần, Thảo luận nhóm, Bài tập cá nhân |
| 23 | Kiểm tra giữa kỳ | CLO1;  CLO2; CLO3;  CLO4; CLO5 | - CTĐT Kinh doanh quốc tế: 1.1/(R);  3.3/(I) |  | Kiểm tra viết |
| 24,25,26 | Chương 6. Luật dân sự Việt Nam  6.1.Khái quát chung về LDS  6.2. Một số nội dung cơ bản của LDS | CLO1;  CLO2;  CLO4 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R);  3.3/(I) | Thuyết trình, Giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, Giải quyết vấn đề,  Tranh luận. | Đánh giá chuyên cần |
| 27, 28 | Thảo luận Chương 6. Luật dân sự Việt Nam | CLO1;  CLO2; CLO3;  CLO4; CLO5 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R); 2.3/(I);  3.3/(I) | Thảo luận, học nhóm, bài tập về nhà | Đánh giá chuyên cần, Thảo luận nhóm, Bài tập cá nhân |
| 29, 30,31 | Chương 7. Luật hình sự Việt Nam  7.1.Khái quát chung về luật hình sự  7.2.Tội phạm và các chế định khác có liên quan | CLO1;  CLO2;  CLO4 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R); 3.3/(I) | Thuyết trình, Giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, Giải quyết vấn đề,  Tranh luận. | Đánh giá chuyên cần, kiểm tra thường xuyên |
| 32, 33 | Thảo luận Chương 7. Luật hình sự Việt Nam | CLO1;  CLO2; CLO3;  CLO4; CLO5 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R); 2.3/(I);  3.3/(I) | Thảo luận, học nhóm, bài tập về nhà | Đánh giá chuyên cần, Thảo luận nhóm, Bài tập cá nhân |
| 33,35 | Chương 8. Pháp luật về phòng chống tham nhũng  8.1. Khái quát về pháp luật phòng chống tham nhũng  8.2. Một số nội dung cơ bản của Luật phòng chống tham nhũng | CLO1;  CLO2;  CLO4 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R);  3.3/(I) | Thuyết trình, Giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, Giải quyết vấn đề,  Tranh luận. | Đánh giá chuyên cần |
| 36 | Thảo luận Chương 8. Pháp luật về phòng chống tham nhũng | CLO1; CLO2; CLO3;  CLO4; CLO5 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R); 2.3/(I);  3.3/(I) | Thảo luận, học nhóm | Đánh giá chuyên cần, Thảo luận nhóm |

**13. Phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá**

***13.1. Các phương pháp đánh giá***

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong học phần PLĐC được chia thành 3 loại chính là: đánh giá theo tiến trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ.

**\* Đánh giá tiến trình:**

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá bài tập nhóm và kiểm tra thường xuyên.

**\* Đánh giá giữa kỳ:**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm giữa học kỳ. Phương pháp đánh giá giữa học kỳ là Kiểm tra viết.

**\* Đánh giá cuối kỳ:**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm cuối học kỳ. Các phương pháp đánh giá cuối kỳ sử dụng là thi vấn đáp.

***13.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Trình độ năng lực** | **Đánh giá tiến trình (30%)** | **Đánh giá Giữa kỳ (20%)** | **Đánh giá Cuối kỳ (50%)** |
| CLO1 | **2** | x | x | x |
| CLO2 | **3** | x | x | x |
| CLO3 | **3** | x | x | x |
| CLO4 | **3** | x | x | x |
| CLO5 | **3** | x |  |  |

**\* Đánh giá học phần**

**Tiêu chí đánh giá 1: Đánh giá chuyên cần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số (%)** | **Điểm** | | | | | | |
| **10** | **9** | **8** | **7** | **6** | **5** | **0** |
| Tham gia tiết học | 50 | Đủ | Nghỉ <5% tổng số tiết | Nghỉ từ 5% đến <10% tổng số tiết | Nghỉ từ 10% đến <15%  tổng số tiết | Nghỉ từ 15% đến 20%  tổng số tiết | Sinh viên  nghỉ học >20% không được tham dự thi kết thúc HP  tổng số tiết  - | |
| Đi học | 10 | Đúng giờ | Muộn: 1 tiết | Muộn:2 tiết | Muộn:3 tiết | Muộn: 4 tiết | Muộn 5 tiết | Muộn từ 6 tiết trở lên |
| Phát biểu | 40 | Trên 5 lần | 4 lần | 3 lần | 2 lần | 1 lần | 0 lần |  |

**Tiêu chí đánh giá 2: Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số (%)** | **Điểm** | | | | | | | |
| **10** | **9** | **8** | **7** | **6** | **5** | | **0** |
| Làm việc nhóm | 20 | Thường xuyên và tích cực làm việc nhóm.  Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | Thường xuyên làm việc nhóm.  Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | Có tham gia làm việc nhóm. Nộp bài tập đúng hạn | Thỉnh thoảng làm việc nhóm.  Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | Có tham gia làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm muộn hạn | Có tham gia làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm muộn và thiếu | Không tham gia làm việc nhóm. Không nộp bài tập nhóm | |
| Trình bày bài tập | 20 | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu, logic. Căn cứ, cơ sở pháp lý sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu, logic. Căn cứ, cơ sở pháp lý sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. | Bài tập trình bày đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ trong trình bày | Bài tập trình bày đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý chưa rõ ràng, phù hợp. Còn tương đối nhiều lỗi chính tả, lỗi trình bày | Bài tập trình bày chưa đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý còn có chỗ chưa đúng yêu cầu. | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý sử dụng trong bài tập không phù hợp | | Không có bài tập |
| Nội dung bài tập | 60 | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình rất tốt theo yêu cầu. Nội dung logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình tốt theo yêu cầu. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình chưa tốt theo yêu cầu. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý và thuyết trình chưa tốt theo yêu cầu. Còn một số sai sót trong nội dung | Nội dung bài tập không đầy đủ và không thuyết trình được theo yêu cầu. Một số nội dung không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | Nội dung bài tập không đầy đủ và không thuyết trình được theo yêu cầu. Nhiều nội dung không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | | Không có bài tập |

**Tiêu chí đánh giá 3: Bài tập cá nhân**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số (%)** | **Điểm** | | | | | | | |
| **10** | **9** | **8** | **7** | **6** | **5** | | **0** |
| Nộp bài tập | 20 | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao).  Đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao).  Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đạt 70% khối lượng được giao.  Một số bài chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đạt 60% khối lượng được giao.  Tất cả các bài chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đạt 50% khối lượng được giao.  Tất cả các bài chưa đúng thời gian quy định | Không nộp bài tập | |
| Trình bày bài tập | 20 | Bài tập trình bày đẹp, đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng, chính xác | Bài tập trình bày đẹp, đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng, chính xác. Còn một số lỗi nhỏ trong trình bày | Bài tập trình bày đẹp, đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý chưa đầy đủ. Còn một số lỗi trong trình bày | Bài tập trình bày đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý sử dụng trong bài tập chưa phù hợp. Còn một số lỗi chính tả, lỗi trình bày | Bài tập trình bày đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý sử dụng trong bài tập chưa phù hợp. Còn nhiều lỗi chính tả, lỗi trình bày | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý dụng trong bài tập không phù hợp | | Không có bài tập |
| Nội dung bài tập | 60 | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Còn một số sai sót nhỏ trong nội dung | Nội dung bài tập đầy đủ, có nội dung chưa đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn sai sót trong nội dung | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số nội dung không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | Nội dung bài tập không đầy đủ, nhiều nội dung không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | | Không có bài tập |

**Tiêu chí đánh giá 4: Kiểm tra viết**

***Đánh giá điểm giữa kỳ:*** Bài kiểm tra viết 50 phút theo thang điểm 10 dựa trên đề và đáp án được thiết kế sẵn của Bộ môn.

***Đánh giá kiểm tra thường xuyên:*** Bài kiểm tra viết theo thang điểm 10 dựa trên đề và đáp án được thiết kế sẵn của Bộ môn.

***13.3. Hệ thống tính điểm***

Điểm học phần được đánh giá theo thang điểm 10 sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Điểm đánh giá bộ phận gồm:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 30%

+ Điểm thi giữa học phần: 20%

+ Điểm thi kết thúc học phần: 50%

***13.4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá***

| **Hình thức kiểm tra/đánh giá** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **CĐR học phần được đánh giá** | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ %** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
|
|
| Chuyên cần | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | CLO05 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 3.3/(I) | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | **10** |
| Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R); 2.3/(I);  3.3/(I) | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | **5** |
| Bài tập cá nhân | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R); 3.3/(I) | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | **5** |
| Kiểm tra thường xuyên | Chương 1,2,3,4 | Tiết 15 | CLO1; CLO2; CLO4 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R); 3.3/(I) | Viết | Đề kiểm tra | **5** |
| Chương 5,6,7 | Tiết 29 | CLO2  CLO03; CLO04 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R); 3.1/(I) | Viết | Đề kiểm tra | **5** |
| Kiểm tra giữa học phần | Chương 1,2,3 | Tiết 23 | CLO1; CLO2; CLO3;  CLO4 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R); 3.3/(I) | Viết | Đề kiểm tra | **20** |
| Thi kết thúc học phần | Nội dung bao quát tất cả các CĐR quan trọng của môn học. | Theo KH của phòng ĐT | CLO1; CLO2; CLO3;  CLO4 | - CTĐT Quản trị kinh doanh KS & DL: 1.1/(R); 3.3/(I) | Viết | Đề thi | **50** |
| Thi vấn đáp |

***13.5. Bảng đối chiếu các CĐR học phần được đánh giá***

| **CĐR học phần** |  | | **Hình thức kiểm tra, đánh giá** | | | | | **Phương pháp/Công cụ kiểm tra, đánh giá** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuyên cần** | **Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm** | | **Bài kiểm tra TX** | **Bài tập cá nhân** | **Đánh giá Giữa kỳ** | **Đánh giá Cuối kỳ** | **Câu hỏi** | **Bài tập** | **Điểm số** |
| CLO1 |  | x | | x |  | x | x | x |  | x |
| CLO2 |  | x | | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO3 |  | x | | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO4 |  | x | | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO5 | x | x | |  | x |  |  | x | x |  |

**14. Các yêu cầu đối với sinh viên**

Các bài tập và câu hỏi ở nhà phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình.

**15. Ngày phê duyệt lần đầu:**

**16. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa** | **Trưởng Bộ môn** | **Nhóm biên soạn** |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **TS. Đàm Thanh Thủy** | **TS. Nguyễn Thị Phương Thúy** | **ThS. Hoàng Thị Lệ Mỹ** |

**17. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1:  ngày tháng năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Trưởng Bộ môn: |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2:  ngày tháng năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Trưởng Bộ môn: |